

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA27089	19810710122	SV0074924	Cao Lan	Anh	9/12/2001		
2	TA27090	19810110174	SV0074925	Lê Đức	Anh	19/11/2001		
3	TA27091	19810430300	SV0074926	Mạc Tuấn	Anh	11/1/2001		
4	TA27092	19810710200	SV0074927	Nguyễn Hoàng	Anh	19/6/2001		
5	TA27093	19810720124	SV0074928	Nguyễn Ngọc	Anh	18/4/2001		
6	TA27094	20810720281	SV0074929	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/9/2002		
7	TA27095	20810000044	SV0074930	Nguyễn Thị Phương	Anh	11/3/2002		
8	TA27096	18810430080	SV0074931	Nguyễn Việt	Anh	30/10/2000		
9	TA27097	20810000018	SV0074932	Phạm Đức	Anh	13/11/2002		
10	TA27098	20810310277	SV0074933	Phùng Xuân	Anh	10/8/2002		
11	TA27099	19810410268	SV0074934	Thân Đức	Anh	6/2/2001		
12	TA27100	19810310026	SV0074935	Trần Tuấn	Anh	28/5/2000		
13	TA27101	19810310028	SV0074936	Vương Tuấn	Anh	16/5/2001		
14	TA27102	20810720048	SV0074937	Mai Thanh	Bình	9/9/2002		
15	TA27103	19810000203	SV0074938	Ngô Viết	Cảnh	22/5/2001		
16	TA27104	20810000019	SV0074939	Hà Thị Mai	Chi	30/11/2002		
17	TA27105	19810170282	SV0074940	Đỗ Thành	Chính	13/8/2001		
18	TA27106	19810410191	SV0074941	Nguyễn Thành	Công	22/9/2001		
19	TA27107	19810310128	SV0074942	Phạm Văn	Công	11/10/2001		
20	TA27108	19810310246	SV0074943	Nguyễn Văn Đại	Cương	19/12/2001		
21	TA27109	18810830021	SV0074944	Nguyễn Đình	Đạt	10/11/2000		
22	TA27110	19810310002	SV0074945	Nguyễn Ngọc	Đạt	22/9/2001		
23	TA27111	20810720056	SV0074946	Nguyễn Quốc	Đạt	1/7/2002		
24	TA27112	19810510118	SV0074947	Nguyễn Xuân	Đạt	12/07/2001		

25	TA27113	19810430058	SV0074948	Phạm Minh	Đạt	18/2/2001		
26	TA27114	19810000086	SV0074949	Trịnh Thành	Đạt	17/1/2001		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: A105
Môn thi: Kỹ năng đọc Ca thi: 7h30 Ngày thi: 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA27115	19810000233	SV0084950	Trần Ngọc	Đức	20/11/2001		
2	TA27116	19810850011	SV0084951	Ngô Thị	Dung	1/5/2001		
3	TA27117	Đầu vào CH	SV0084952	Mai Văn	Dũng	20/11/1979		
4	TA27118	18810310331	SV0084953	Nguyễn Mạnh	Dũng	1/11/2000		
5	TA27119	20810000028	SV0084954	Lục Bình	Dương	16/8/2002		
6	TA27120	20810710201	SV0084955	Trương Ngọc	Duy	20/10/2002		
7	TA27121	19810810123	SV0084956	Đỗ Hương	Giang	26/4/2001		
8	TA27122	20810820038	SV0084957	Nguyễn Đức	Giang	9/6/2001		
9	TA27123	19810340520	SV0084958	Nguyễn Trường	Giang	31/8/2001		
10	TA27124	20810720017	SV0084959	Trần Hương	Giang	16/1/2002		
11	TA27125	20810820046	SV0084960	Vũ Thị Huyền	Giang	14/11/2002		
12	TA27126	19810810105	SV0084961	Nguyễn Thu	Hà	26/8/2001		
13	TA27127	Đầu vào CH	SV0084962	Nguyễn Vũ	Hà	30/09/1974		
14	TA27128	20CH5020030	SV0084963	Trần Thái	Hà	11/07/1980		
15	TA27129	19810410282	SV0084964	Lê Ngọc	Hiệu	11/7/2001		
16	TA27130	19810410272	SV0084965	Lê Sỹ	Hình	24/8/2001		
17	TA27131	19810000049	SV0084966	Hoàng Khắc	Hoan	15/5/2001		
18	TA27132	19810110077	SV0084967	Ngô Huy	Hoàng	29/5/2001		
19	TA27133	19810310043	SV0084968	Nguyễn Huy	Hoàng	17/7/2000		
20	TA27134	19810310305	SV0084969	Nguyễn Huy	Hoàng	8/5/2001		
21	TA27135	19810410028	SV0084970	Tạ Huy	Hoàng	26/10/2001		
22	TA27136	20810620109	SV0084971	Lê Việt	Hùng	22/8/2002		
23	TA27137	19810170110	SV0084972	Trần Mạnh	Hùng	18/5/2001		
24	TA27138	18810310399	SV0084973	Trịnh Quốc	Hưng	21/10/2000		

25	TA27139	Đầu vào CH	SV0084974	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/09/1980		
26	TA27140	20810000135	SV0084975	Tạ Thị	Hương	15/2/2002		
27	TA27141	20810720003	SV0084976	Trần Thị Đăng	Hương	20/8/2002		
28	TA27142	19810310185	SV0084977	Ngô Văn	Huy	7/9/2001		
29	TA27143	20810000123	SV0084978	Nguyễn Quang	Huy	3/7/2002		
30	TA27144	20810710121	SV0084979	Nguyễn Đức	Huy	24/8/2002		
31	TA27145	19810110329	SV0084980	Nguyen Quang	Huy	11/8/2001		
32	TA27146	20810000187	SV0084981	Nguyễn Văn	Huy	24/10/2002		
33	TA27147	19810170073	SV0084982	Phạm Tiến	Huỳnh	11/1/2001		
34	TA27148	19810430292	SV0084983	Lê Đức	Khánh	1/4/2001		
35	TA27149	20810710094	SV0084984	Tổng Nguyễn Quốc	Khánh	21/7/2002		
36	TA27150	18810310246	SV0084985	Vũ Hồng	Khiêm	6/1/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA27151	1781610036	SV0094986	Dương Ngọc	Khoa	10/7/1999		
2	TA27152	19810720136	SV0094987	Trần Hoàng	Kỳ	29/1/2001		
3	TA27153	19810230070	SV0094988	Lý Thị Thanh	Lam	7/2/2001		
4	TA27154	19810000016	SV0094989	Nguyễn Thị Kiều	Linh	5/3/2001		
5	TA27155	19810510129	SV0094990	Nguyễn Bảo	Long	19/9/2001		
6	TA27156	18810710171	SV0094991	Nguyễn Thành	Long	17/11/2000		
7	TA27157	20810000144	SV0094992	Nguyễn Thảo	Ly	6/10/2002		
8	TA27158	19810430316	SV0094993	Nguyễn Đức	Minh	30/01/2001		
9	TA27159	19810310468	SV0094994	Nguyễn Tuấn	Minh	12/2/2001		
10	TA27160	20810710113	SV0094995	Phan Tấn	Minh	23/8/2002		
11	TA27161	2272010041	SV0094996	Đặng Trà	My	24/11/1990		
12	TA27162	19810810121	SV0094997	Hoàng Hà	My	17/8/2001		
13	TA27163	20810720273	SV0094998	Nguyễn Thị Trà	My	16/7/2002		
14	TA27164	20810000099	SV0094999	Nguyễn Trọng	Nam	28/10/2002		
15	TA27165	20810000126	SV0095000	Nguyễn Văn	Nam	9/4/2002		
16	TA27166	20810710076	SV0095001	Ngô Thị	Nga	14/9/2002		
17	TA27167	20810710084	SV0095002	Nguyễn Thị	Nga	27/9/2002		
18	TA27168	20810840146	SV0095003	Đỗ Thanh	Ngân	17/9/2002		
19	TA27169	18810310312	SV0095004	Bùi Đình	Ngọc	11/3/2000		
20	TA27170	20810710066	SV0095005	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	7/8/2001		
21	TA27171	20810840034	SV0095006	Trương Bích	Ngọc	7/11/2001		
22	TA27172	19810310458	SV0095007	Hồ Văn	Nguyên	13/7/2001		
23	TA27173	18810810167	SV0095008	Trần Thị Thanh	Nhàn	10/1/2000		
24	TA27174	20810340259	SV0095009	Nguyễn Đăng	Phú	22/8/2002		

25	TA27175	19810110226	SV0095010	Trần Hữu	Phước	30/10/2001		
26	TA27176	20810720027	SV0095011	Đỗ Anh	Quân	11/12/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: A108
Môn thi: Kỹ năng đọc Ca thi: 7h30 Ngày thi: 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA27177	19810110070	SV0105012	Lê Hồng	Quân	30/6/2001		
2	TA27178	20810000172	SV0105013	Lê Văn	Quân	3/6/2002		
3	TA27179	19810310268	SV0105014	Trần Hồng	Quân	17/1/2001		
4	TA27180	19810410050	SV0105015	Trần Văn	Quân	6/7/2001		
5	TA27181	19810430029	SV0105016	Nguyen Thuy	Quynh	13/5/2001		
6	TA27182	19810310018	SV0105017	Nguyễn Văn	Sang	30/05/2001		
7	TA27183	20810000189	SV0105018	Lê Văn	Sáng	21/08/2001		
8	TA27184	19810410081	SV0105019	Phạm Tiến	Sao	4/4/2001		
9	TA27185	20810340231	SV0105020	Cao Viết Tuấn	Sinh	03/12/2002		
10	TA27186	19810310656	SV0105021	Phạm Minh	Son	29/1/2001		
11	TA27187	2272010048	SV0105022	Giáp Văn	Sỹ	1/6/1989		
12	TA27188	19810310455	SV0105023	Nguyễn Trọng	Tâm	1/8/2001		
13	TA27189	20810000105	SV0105024	Phạm Thị Thanh	Tâm	27/5/2002		
14	TA27190	20810310560	SV0105025	Trịnh Trọng	Tấn	7/2/2002		
15	TA27191	19810710018	SV0105026	Vy Thị	Thắm	6/1/2001		
16	TA27192	1781410030	SV0105027	Bùi Đình	Thanh	28/3/1999		
17	TA27193	19810430347	SV0105028	Phạm Văn	Thanh	01/04/2001		
18	TA27194	19810310004	SV0105029	Nguyễn Ngọc	Thành	22/9/2001		
19	TA27195	19810710163	SV0105030	Nguyễn Tiến	Thành	14/8/2001		
20	TA27196	20810000118	SV0105031	Phan Tiến	Thành	9/6/2002		
21	TA27197	20810000090	SV0105032	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9/10/2002		
22	TA27198	20810720280	SV0105033	Phạm Thanh	Thảo	10/5/2002		
23	TA27199	18810410136	SV0105034	Hoang Thi	Thu	26/9/2000		
24	TA27200	19810710138	SV0105035	Đoàn Ngọc	Thụ	16/11/2001		

25	TA27201	19810410269	SV0105036	Nguyễn Minh	Thuận	8/10/2001		
26	TA27202	20810000143	SV0105037	Chu Thi	Thuy	19/2/2002		
27	TA27203	18810410188	SV0105038	Đào Minh	Tiến	6/6/2000		
28	TA27204	19810430110	SV0105039	Lê Duy	Tiến	23/1/2001		
29	TA27205	19810410307	SV0105040	Nguyễn Ngọc	Tiến	2/1/2001		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: AB101

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 03/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA27206	1781510255	SV0115041	Phạm Văn	Tiến	18/11/1999		
2	TA27207	20810000396	SV0115042	Nguyễn Văn	Tin	16/7/2002		
3	TA27208	Đầu vào CH	SV0115043	Nguyễn Thanh	Tĩnh	12/04/1985		
4	TA27209	20810000455	SV0115044	Nguyễn Văn	Toàn	29/10/2002		
5	TA27210	20810000101	SV0115045	Nguyễn Văn	Toàn	25/11/2002		
6	TA27211	20810000104	SV0115046	Đỗ Thuỳ	Trang	28/3/2002		
7	TA27212	20810000136	SV0115047	Lê Thị Minh	Trang	8/4/2002		
8	TA27213	19810710159	SV0115048	Ngô Thị Thu	Trang	19/8/2001		
9	TA27214	20810820059	SV0115049	Nguyễn Quỳnh	Trang	16/2/2002		
10	TA27215	20810000096	SV0115050	Tạ Vương	Triều	19/11/2002		
11	TA27216	18810620033	SV0115051	Lê Quốc	Trường	12/7/2000		
12	TA27217	19810410168	SV0115052	Nguyễn Văn	Trường	21/9/2001		
13	TA27218	19810420108	SV0115053	Ngô Đức	Tự	12/10/2001		
14	TA27219	19810310227	SV0115054	Phạm Anh	Tuấn	11/1/2001		
15	TA27220	19810430065	SV0115055	Trần Văn	Tuấn	26/10/2001		
16	TA27221	19810310487	SV0115056	Chu Sơn	Tùng	7/12/2001		
17	TA27222	1781610062	SV0115057	Phạm Minh	Tùng	11/6/1999		
18	TA27223	19810000123	SV0115058	Trịnh Hà Xuân	Tùng	18/2/2001		
19	TA27224	18810620108	SV0115059	Trần Văn	Tuyền	8/12/2000		
20	TA27225	20810840026	SV0115060	Nguyễn Văn	Uyên	19/12/2002		
21	TA27226	20810710107	SV0115061	Phạm Thị Tú	Uyên	2/12/2002		
22	TA27227	18810620118	SV0115062	Hoang Tho	Van	12/3/2000		
23	TA27228	20810340230	SV0115063	Đào Anh	Vũ	13/10/2002		
24	TA27229	19810410024	SV0115064	Nguyễn Minh	Vũ	26/8/2001		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)